



Bài 3 Tăng trưởng kinh tế

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế

1 Khái niệm

2 Phương pháp đo lường

3 Ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế

II Các yếu tố quyết định tăng trưởng trong dài hạn

1 Các nhân tố kinh tế

2 Các nhân tố phi kinh tế



Bài 3 Tăng trưởng kinh tế

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

1 Lý thuyết tân cổ điển

2 Lý thuyết trường phái Keynes. Mô hình Harrod-Domar

3 Lý thuyết tân cổ điển

4 Lý thuyết hiện đại

IV Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

* 7 chính sách*

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



1 Khái niệm

Tăng trưởng kinh tế (economic growth) là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng thu nhập quốc dân (GNP) trong một thời gian nhất định

Tăng trưởng kinh tế còn được định nghĩa là sự gia tăng mức sản xuất mà nền kinh tế tạo ra theo thời gian

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



Phân biệt khái niệm tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế (economic development) có nội hàm rộng hơn tăng trưởng kinh tế. Phát triển kinh tế bao gồm:

- *Tăng trưởng kinh tế*
- *Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại*
- *Đảm bảo công bằng xã hội*

Như vậy, nếu coi tăng trưởng kinh tế là biến đổi về lượng thì phát triển kinh tế là sự biến đổi về chất của nền kinh tế.

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



2 Phương pháp đo lường

- Tốc độ tăng trưởng tuyệt đối

$$\Delta Y = Y^t - Y^{t-1}$$

- Tốc độ tăng trưởng tương đối

$$g^t = \frac{Y^t - Y^{t-1}}{Y^{t-1}} \cdot 100 \%$$

Vì tốc độ tăng trưởng kinh tế đo lường sự gia tăng của mức sản xuất, là một biến thực tế nên đo lường g chúng ta sử dụng GDP thực tế

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



2 Phương pháp đo lường

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được coi là phản ánh gần đúng nhất mức độ cải thiện mức sống của người dân đó là sử dụng GDP thực tế bình quân đầu người để tính toán

$$g^t = \frac{y^t - y^{t-1}}{y^{t-1}} \cdot 100 \%$$

Với y^t là GDP thực tế bình quân đầu người năm t

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



- Tốc độ tăng trưởng bình quân trong thời kỳ

$$y_n = y_0 (1 + g_a)^n$$

$$g_a = \sqrt[n]{\frac{y_n}{y_0}} - 1$$

Bài tập



- 1) GDP Việt Nam năm 2008 là 80 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm tới dự tính là 5%/năm. Hỏi GDP năm 2013.
- 2) Việt Nam năm 2000 có GDP bình quân đầu người là 500 USD. Năm 2010 có GDP bình quân đầu người là 1000 USD. Tính tốc độ tăng trưởng bình quân
- 3) Việt Nam năm 2000 có GDP bình quân đầu người là 500 USD. Với tốc độ tăng trưởng bình quân là 8%/năm thì bao lâu GDP bình quân đầu người của Việt Nam tăng lên gấp đôi

Bài tập



Tính tốc độ tăng trưởng (theo GDP thực tế: g_r , và GDP thực tế bình quân đầu người: g_r^{pc}) khi biết tốc độ tăng trưởng GDP danh nghĩa (g_n); tỷ lệ lạm phát (π); tốc độ tăng dân số (n)

$$GDP_n = P(1+\pi) * Y(1+g_r) = P * Y * (1+\pi)(1+g_r)$$

$$\rightarrow GDP_n = P * Y * (1 + \pi + g_r) \text{ (công thức gần đúng)}$$

$$\rightarrow g_n = \pi + g_r \rightarrow \mathbf{g_r = g_n - \pi}$$

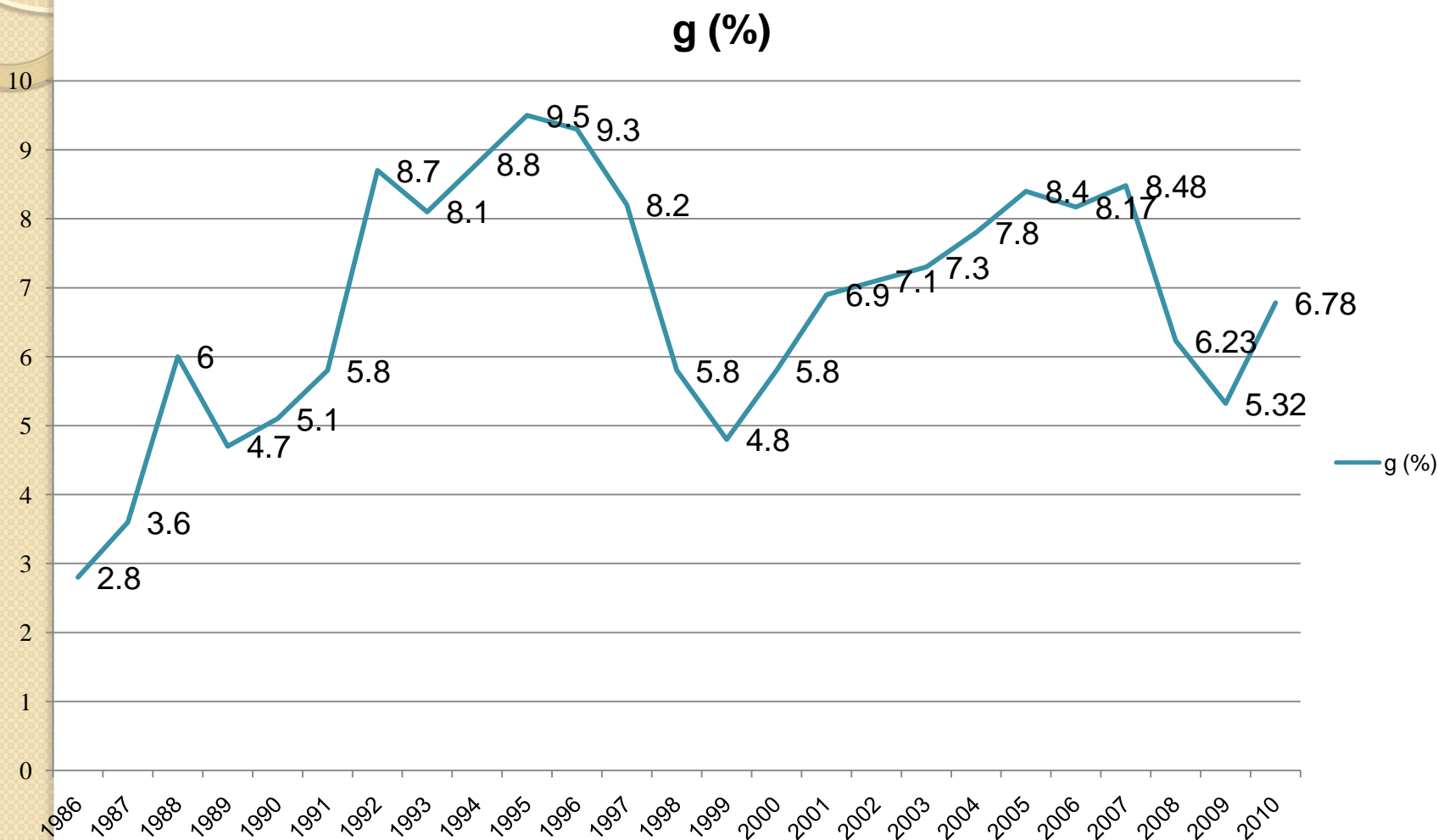
$$GDP_{pc} = [GDP_r * (1 + g_r)] / [N * (1 + n)]$$

$$\rightarrow GDP_{pc} = [GDP_r / N] * [(1 + g_r) / (1 + n)]$$

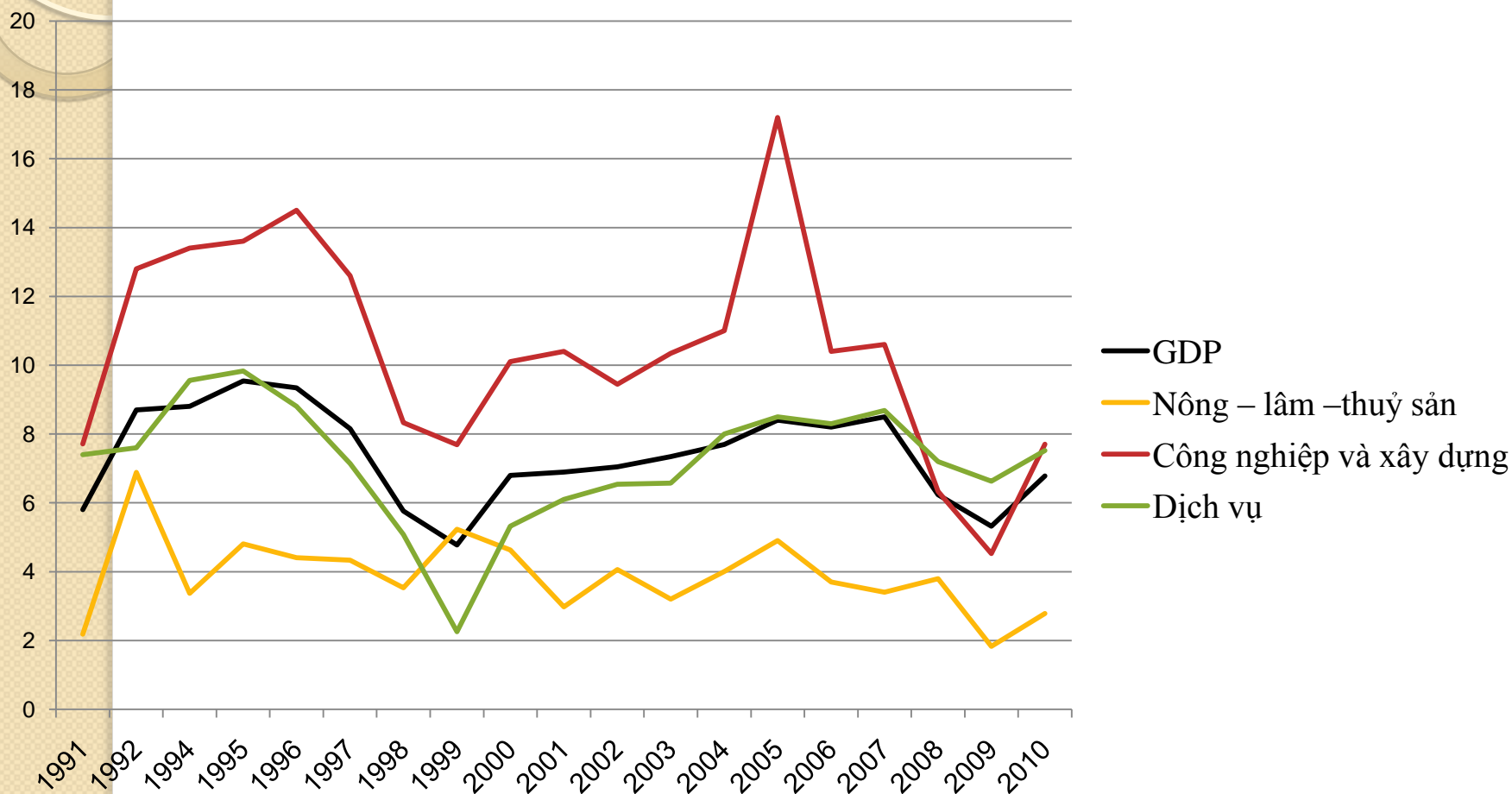
$$= [GDP_r / N] * [1 + g_r - n] \text{ (công thức gần đúng)}$$

$$\rightarrow \mathbf{g_r^{pc} = g_r - n = g_n - \pi - n}$$

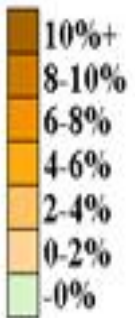
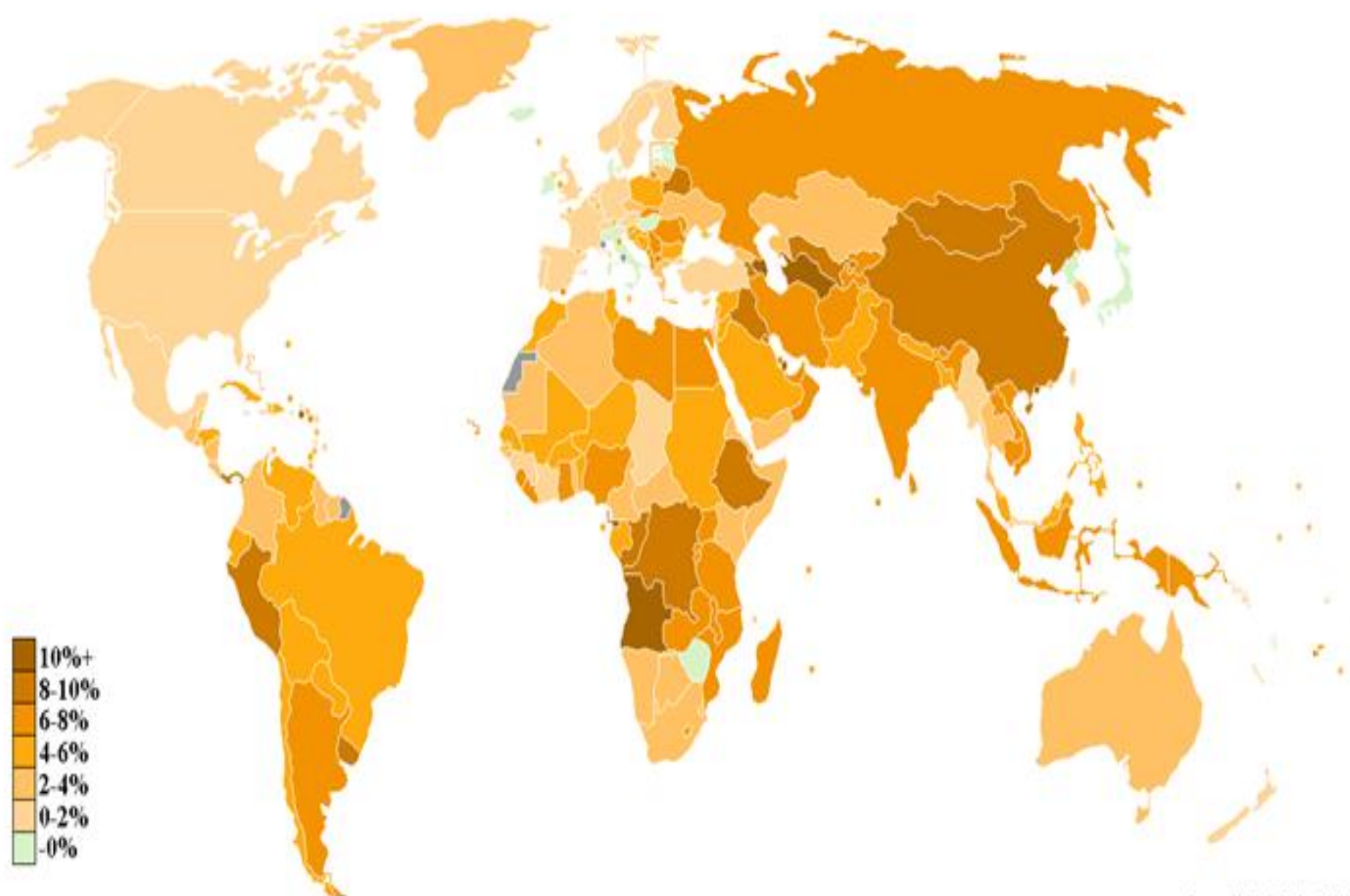
Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam từ năm 1986 đến nay



Tăng trưởng GDP và các khu vực qua các năm



Tăng trưởng của các nước trên thế giới năm 2008



I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



3 Ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế làm cho mức thu nhập của dân cư tăng, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện
- Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện giải quyết công ăn, việc làm, giảm thất nghiệp (*Quy luật Okun*: GDP thực tế tăng 2,5% so với mức tiềm năng thì tỉ lệ thất nghiệp giảm đi 1%)

I Khái niệm, phương pháp đo lường và ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế



3 Ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế tạo tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, củng cố chế độ chính trị, tăng uy tín và vai trò quản lý của nhà nước đối với xã hội
- Đối với các nước chậm phát triển như nước ta, tăng trưởng kinh tế còn là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước đã phát triển.

Quy luật Okun

$$U_T = U_n + \frac{Y_p - Y_T}{Y_p} \times 50 \%$$

Trong đó:

- U_t là tỷ lệ thất nghiệp thực tế
- U_n là tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- Y_p là GDP tiềm năng
- Y_t là GDP thực tế

Quy tắc 70

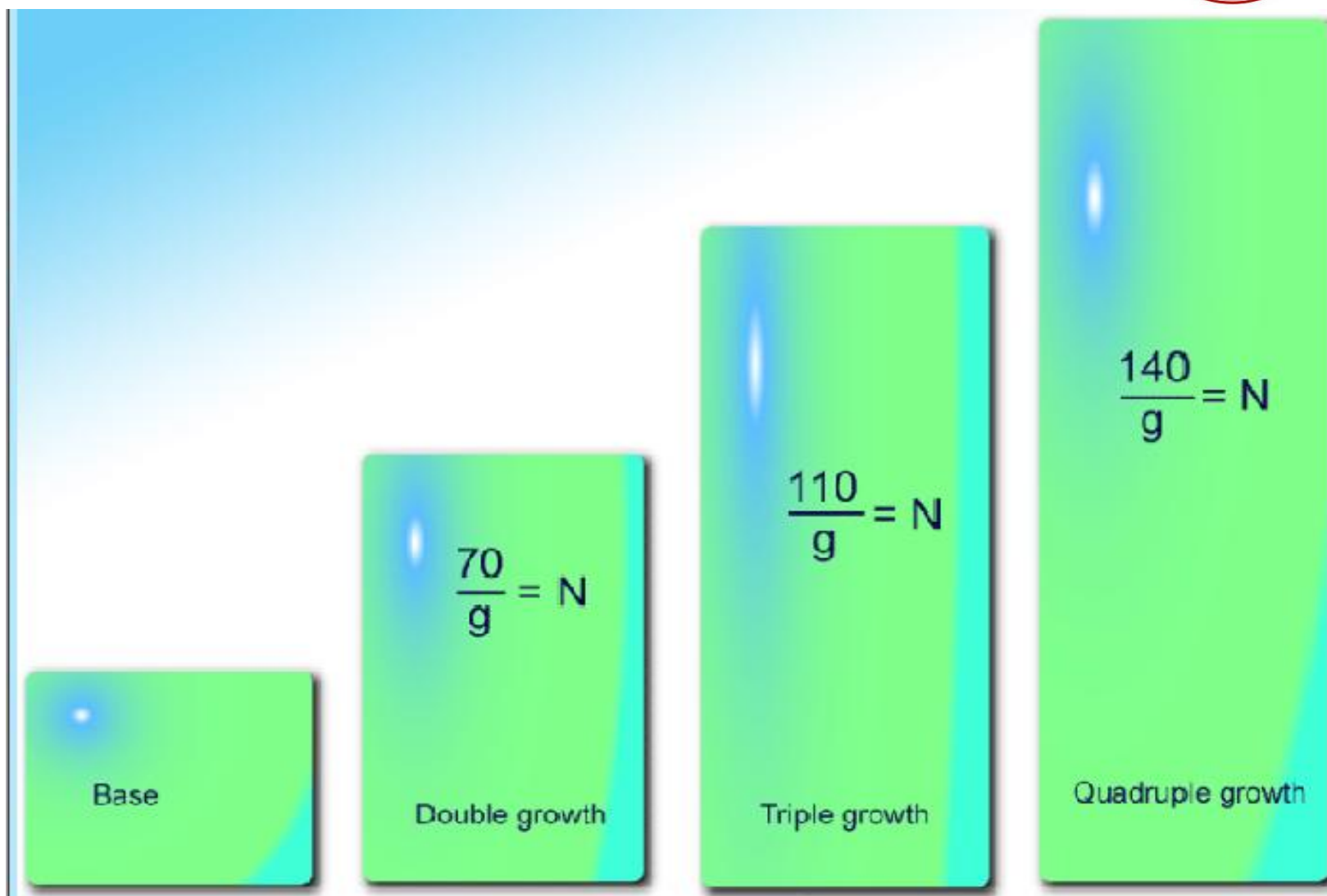


Nếu ban đầu bạn có một lượng A , tốc độ tăng của lượng này là $g\%/năm$. Vậy sau $70/g$ năm thì lượng này sẽ tăng lên gấp đôi $2A$.

Áp dụng cho tăng trưởng kinh tế

Nếu ban đầu y của một quốc gia là 1000USD với tốc độ tăng y $7\%/năm$ thì sau $70/7=10$ năm y của quốc gia này sẽ tăng lên 2000 USD (giả định quy mô dân số không đổi).

Chú ý: nếu tỷ lệ $a\%$ vượt quá 4% thì nên dùng quy tắc 72



II Các yếu tố quyết định tăng trưởng trong dài hạn



Nền kinh tế Cruso: Cruso một mình lạc trên đảo hoang, thức ăn duy nhất mà anh ta kiếm được là cá. Lượng cá mà anh ta kiếm được hàng ngày càng tăng lên thì đời sống của anh càng sung túc. Vậy lượng cá mà Cruso kiếm được phụ thuộc vào ?

- + Khu vực mà Cruso bắt cá có nhiều cá hay không
- + Anh ta có thêm người phụ giúp hay không
- + Anh ta có nhiều lưới, cần câu hay không
- + Công nghệ bắt cá của anh ta có được cải tiến hay không

II Các yếu tố quyết định tăng trưởng trong dài hạn



1 Các yếu tố kinh tế

- *Nguồn nhân lực (L)*
- *Nguồn tài nguyên thiên nhiên (R)*
- *Tư bản/vốn (K)*
- *Khoa học công nghệ (T)*

Trong các nghiên cứu hiện đại thì R được đưa vào trong K còn T được đại diện bởi TFP (total factor productivity) - năng suất nhân tố tổng hợp. Và thực chất ẩn đằng sau 4 yếu tố kinh tế kể trên đó chính là ***năng suất lao động***

II Các yếu tố quyết định tăng trưởng trong dài hạn



2 Các yếu tố phi kinh tế

- *Văn hóa – xã hội*
- *Các thể chế chính trị*
- *Dân tộc và tôn giáo*
- *Sự tham gia của cộng đồng*
- *Nhà nước và khung phổ pháp lý*

Xác định đóng góp của từng yếu tố L, R, K, T tới tăng trưởng như thế nào



Ta có hàm sản xuất Cobb – Douglas

$$Y = TL^{\alpha}K^{\beta}R^{\gamma}$$

$$\rightarrow \ln Y = \ln T + \alpha \ln L + \beta \ln K + \gamma \ln R$$

Vi phân theo thời gian ta có:

$$(dY/dt * 1/Y) = (dT/dt * 1/T) + \alpha(dL/dt * 1/L) + \beta(dK/dt * 1/K) + \gamma(dR/dt * 1/R)$$

Xét t thay đổi đổi trong 1 đơn vị thời gian nhất định ta có

$$(dY/Y) = (dT/T) + \alpha(dL/L) + \beta(dK/K) + \gamma(dR/R)$$

$$\text{hay } g = t + \alpha l + \beta k + \gamma r$$

trong đó g là tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của sản lượng;
l k r lần lượt là tỷ lệ gia tăng của lao động, vốn, tài nguyên;
 α β γ lần lượt là tỷ lệ đóng góp trong thu nhập của lao động, vốn, đất đai (w, i và OI, r)

Xác định đóng góp của từng yếu tố L, R, K, T tới tăng trưởng như thế nào



Phần dư còn lại không được giải thích bởi L,R,K sẽ là phần đóng góp của T cho tăng trưởng

VD: $g = 11\%$; $l = 10\%$; $k = 20\%$; $r = 5\%$

$\alpha = 20\%$; $\beta = 40\%$; $\gamma = 10\%$

$\rightarrow t = 11\% - (0.2 \cdot 10\% + 0.4 \cdot 20\% + 0.1 \cdot 5\%) = 0.5\%$

(tăng trưởng đóng góp 0.5% trong 11% tăng trưởng)

Hiện nay người ta đã cho yếu tố R vào K và t được khái quát hóa trở thành TFP (total factor productivity) – năng suất các nhân tố tổng hợp. Như vậy các yếu tố tác động tới tăng trưởng bao gồm: L, K, TFP

Tiến bộ công nghệ với tăng trưởng kinh tế



Sự phát triển của Tây Âu		
Năm	Thu nhập trên đầu người (giá 1990)	Các phát minh
1000	400	Cối xay nước
1100	430	Vòng đai ngựa trộn bông
1200	480	Cối xay gió
1300	510	La bàn
1400	600	Lò cao
1500	660	Máy in Gutenberg
1600	780	Kính thiên văn
1700	880	Đồng hồ quả lắc, kênh đào
1800	1280	Động cơ hơi nước, máy xe chỉ và máy dệt, gang, pin điện
1900	3400	Máy điện báo, điện thoại, đèn điện, hệ thống phi tuyến
2000	17400	Thép, ô tô, máy bay, máy tính, năng lượng hạt nhân

Nguồn: *The Economist*, 31 December 1999

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



1 Lý thuyết cổ điển

Lý thuyết cổ điển về tăng trưởng kinh tế bao gồm các nhà kinh tế tiêu biểu: Adam Smith, R.Malthus, David Ricardo

+ *Adam Smith*

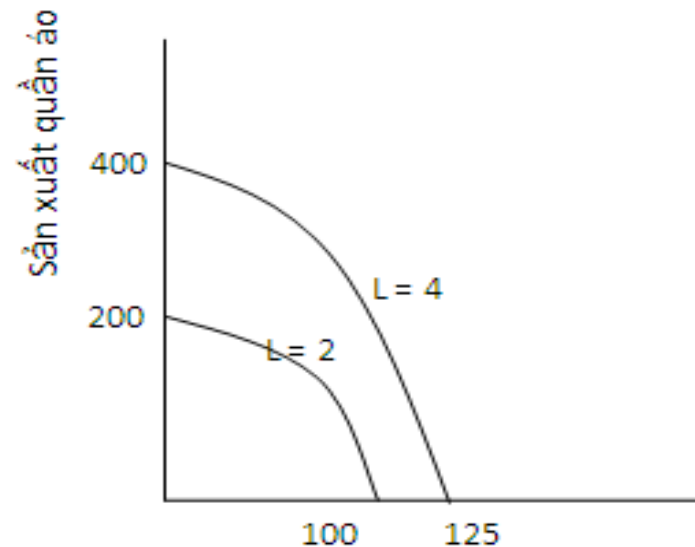
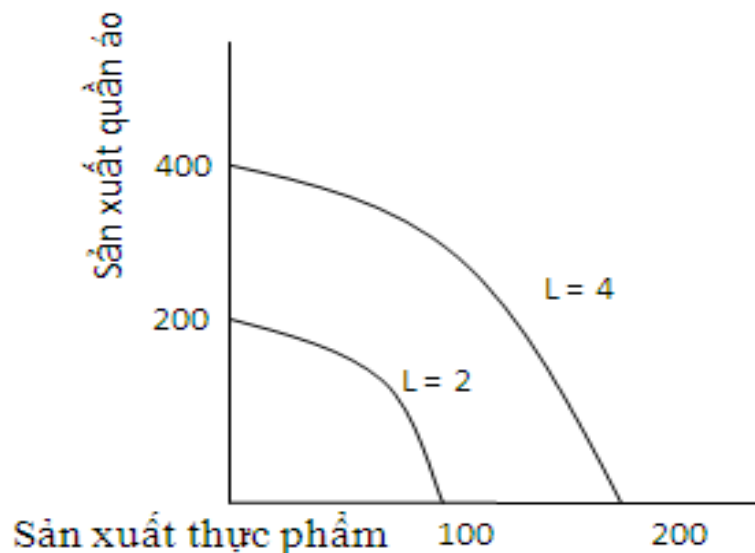
- Ông cho rằng tích lũy vốn và cải tiến bộ công nghệ cùng các nhân tố xã hội, thể chế đều đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của một nước (giải thích tại sao Trung Quốc không phát triển, ví dụ về sản xuất đinh ghim)

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

1 Lý thuyết cổ điển

+ *Adam Smith (tiếp)*

- Tăng sản lượng thông qua việc tăng số lượng đầu vào tương ứng – gia tăng tư bản theo chiều rộng. Tuy nhiên vì đất đai là có hạn nên đến một lúc nào đó sản lượng đầu ra sẽ tăng chậm dần



Sản xuất thực phẩm

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



1 Lý thuyết cổ điển

+ *R.Malthus*

- Ông cho rằng áp lực dân số sẽ đẩy nền kinh tế tới một điểm mà tại đó người lao động chỉ còn sống ở mức vừa đủ tối thiểu.
- Ông lập luận: cứ khi nào mức tiền lương còn ở trên mức vừa đủ → dân số sẽ tăng lên → cung lao động gia tăng sẽ đẩy mức tiền lương xuống thấp → tiền lương xuống dưới mức vừa đủ sẽ dẫn đến tỷ lệ tử vong cao hơn và dân số sẽ giảm đi → cung lao động giảm đi đẩy mức tiền lương lên

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



1 Lý thuyết cổ điển

+ *R.Malthus (tiếp)*

- Dân số tăng theo cấp số nhân, còn lương thực tăng theo cấp số cộng (do sự hữu hạn của đất đai). Muốn duy trì tăng sản lượng thì phải giảm mức tăng dân số



III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

1 Lý thuyết cổ điển

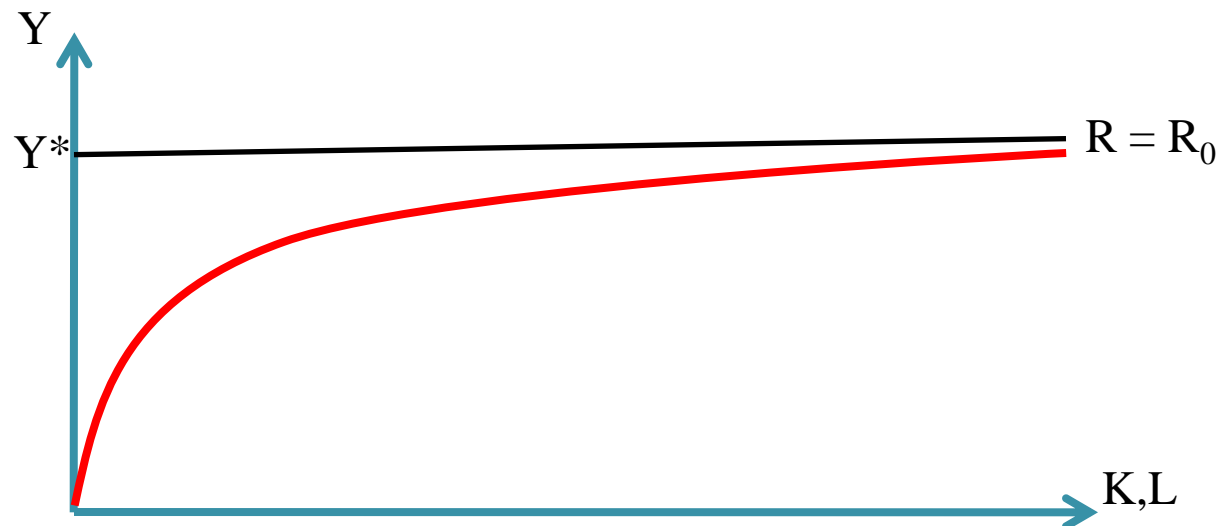
+ *David Ricardo*

- Theo Ricardo: tăng trưởng là kết quả của tích lũy, tích lũy là hàm của lợi nhuận, lợi nhuận phụ thuộc vào chi phí sản xuất lương thực, chi phí này lại phụ thuộc vào đất đai. Do đó đất đai là giới hạn đối với sự tăng trưởng

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

1 Lý thuyết cổ điển

Tóm lại các nhà kinh tế cổ điển như Adam Smith, R.Malthus và David Ricardo nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của nguồn lực tự nhiên (như đất đai) trong tăng trưởng kinh tế



III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



2 Lý thuyết trường phái Keynes. Mô hình Harrod-Domar

Khi cuộc Đại khủng hoảng kinh tế xảy ra (1929-1933) lý thuyết cổ điển tỏ ra bất lực trong việc giải thích những hiện tượng kinh tế lúc bấy giờ như mức sản lượng thấp và tỷ lệ thất nghiệp cao kéo dài.

Bên cạnh đó các thành tựu về khoa học kỹ thuật như máy kéo, phân bón thuốc trừ sâu, kỹ thuật thâm canh, giống cây mới.... giúp cho sản lượng nông nghiệp tăng lên nhanh chóng nên với lượng đất đai “có hạn” lương thực thực phẩm vẫn đủ cung cấp cho mọi người

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



2 Lý thuyết trường phái Keynes. Mô hình Harrod-Domar

Tác phẩm *Lí thuyết tổng quát về việc làm , lãi suất và tiền tệ (The General Theory of Employment, Interest and Money)* của John Maynard Keynes (1883 – 1946) được xuất bản vào năm 1936 đã nhấn mạnh các nền kinh tế hiện đại cần các chính sách chính phủ chủ động để quản lí và duy trì tăng trưởng kinh tế. Điều này đi ngược lại quan điểm của trường phái cổ điển về tăng trưởng kinh tế tự do không cần sự can thiệp của nhà nước.

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



Dựa trên phương pháp luận của Keynes, hai nhà kinh tế học Harrod và Domar đã đưa ra mô hình tăng trưởng kinh tế như sau:

Ta có $S_t = I_t$ (tiết kiệm luôn bằng đầu tư)

$I_t = \Delta K$ (đầu tư năm t bằng lượng tư bản hiện vật gia tăng trong năm t)

Tốc độ tăng trưởng:

$$g = \frac{\Delta Y}{Y_t} = \frac{I_t \Delta Y}{I_t Y_t} = \frac{I_t}{Y_t} : \frac{I_t}{\Delta Y}$$

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



Vì $I_t = S_t$ nên $I_t/Y_t = S_t/Y_t$

Nếu gọi $S_t/Y_t = s$ tỷ lệ tiết kiệm của nền kinh tế

$I_t/\Delta Y = \Delta K/\Delta Y = k$ là tỷ số gia tăng giữa vốn-đầu ra (hệ số ICOR_incremental capital-output ratio)

Ta sẽ có $g = s/k$

Hệ số ICOR cho biết để tăng thêm 1 đồng sản lượng cần đầu tư thêm bao nhiêu đồng vốn

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

2 Lý thuyết trường phái Keynes. Mô hình Harrod-Domar



Kết luận rút ra từ mô hình Harrod-Domar

- + tốc độ tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với tỷ lệ tiết kiệm và tỷ lệ nghịch với k
- + vì k thường cố định trong một thời kỳ, để điều chỉnh g chúng ta chỉ cần điều chỉnh s
- + sự đánh đổi giữa tiêu dùng hiện tại và tiêu dùng trong tương lai

Nhược điểm của mô hình

Quá đơn giản hóa mối quan hệ giữa tích lũy tư bản (K) và tăng trưởng kinh tế (g) bỏ qua các yếu tố quan trọng như khấu hao, tiến bộ công nghệ.

Như vậy lý thuyết trường phái Keynes nhấn mạnh đến vai trò của tư bản/vốn (K) đối với tăng trưởng kinh tế

Hệ số ICOR của Việt Nam



	2006	2007	2008	2009	2010
s(%)	40.96	40.4	43.1	42.8	41.9
g(%)	8.17	8.48	6.23	5.32	6.78
ICOR(công)	5.04	5.2	6.66	8	
ICOR (tư nhân, công) (tính theo lý thuyết)	5.01	4.76	6.92	8.05	6.18

Nguồn: Tổng cục thống kê (s,g)

Ủy ban Ngân sách và Tài chính Quốc hội (ICOR công)

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Mô hình Solow – Swan (mô hình Solow)

* Hàm sản xuất

$$Y = f(K, L)$$

Giả sử hiệu suất của nền kinh tế không đổi theo quy mô nên

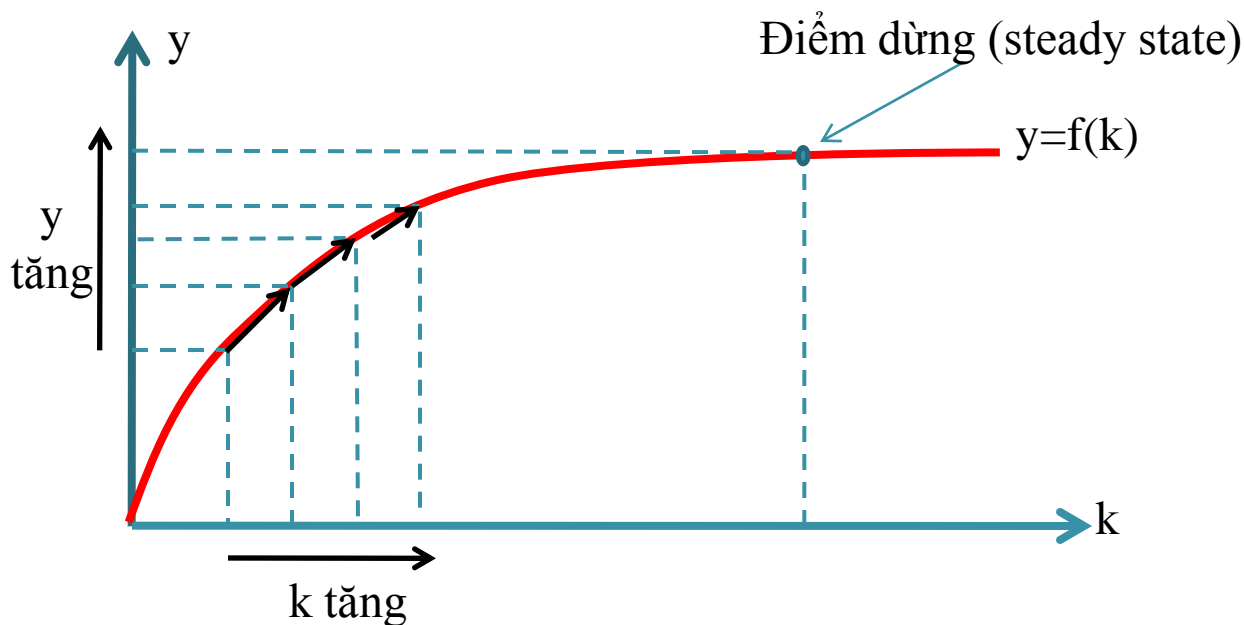
$$y = Y \cdot \frac{1}{L} = f\left(K \cdot \frac{1}{L}, L \cdot \frac{1}{L}\right) = f(k)$$

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



trong đó $y=Y/L$ là sản lượng trên một công nhân;
 $k=K/L$ là lượng tư bản trang bị cho một công nhân

- * Mỗi quan hệ giữa y và k được biểu diễn qua hình đồ thị



III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Nhận xét:

- + hàm sản xuất dốc lên từ trái sang phải: y và k có mối quan hệ đồng biến (dương) nghĩa là k tăng-gia tăng tư bản theo chiều sâu thì y tăng
- + độ dốc của hàm sản xuất giảm dần: k tăng thì y tăng nhưng tốc độ tăng chậm dần và đến một lúc nào đó k tăng y sẽ không tăng nữa (điểm dừng của nền kinh tế)

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

- ? Tại sao y lại tăng nhưng với tốc độ chậm dần
- ? Làm thế nào để nền kinh tế vượt qua điểm dừng

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Trả lời 1: Quy luật lợi tức cận biên giảm dần (*the law of diminishing marginal return*)

Quy luật này cho thấy khối lượng đầu ra có thêm sẽ ngày càng giảm, khi liên tiếp tăng thêm những đơn vị bằng nhau của một đầu vào biến đổi (lao động) với điều kiện số lượng đầu vào khác như (đất đai, máy móc) giữ cố định

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Quy luật lợi tức cận biên giảm dần

Lí do

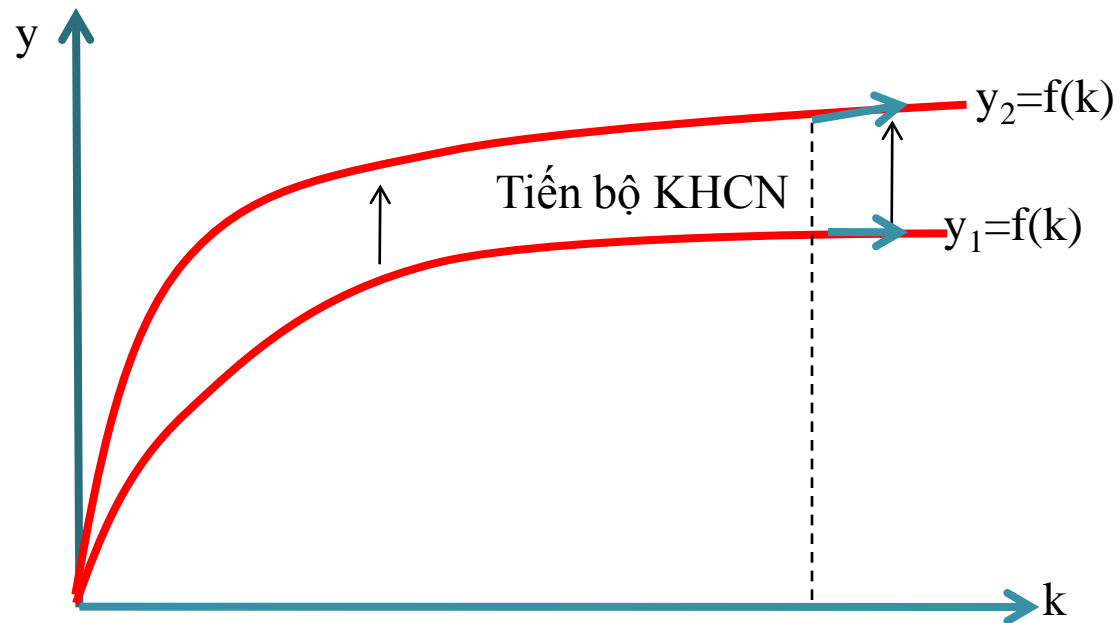
- + vì mọi nguồn lực đều khan hiếm nên các đơn vị nguồn lực thêm vào sau có chi phí cơ hội tăng dần, nghĩa là năng suất của các nguồn lực này giảm so với các đơn vị ban đầu
- + với một yếu tố ban đầu không đổi càng càng nhiều nguồn lực tăng thêm sử dụng yếu tố này đến một lúc nào đó sẽ dẫn tới tình trạng sử dụng chồng chéo, phi hiệu quả

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Trả lời 2: Tiến bộ khoa học công nghệ và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn



Như vậy lý thuyết tân cổ điển nhấn mạnh đến vai trò của khoa học công nghệ đối với tăng trưởng

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



3 Lý thuyết tân cổ điển

Ngoài ra mô hình Solow còn dự đoán một hiện tượng thú vị khác đó là hiệu ứng đuổi kịp giữa các nền kinh tế.

Hiệu ứng đuổi kịp (catch-up effect): hai nền kinh tế có xuất phát điểm khác nhau nhưng nếu có chung tỷ lệ tiết kiệm và tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật thì sau một thời gian hai nền kinh tế sẽ có quy mô tương đương (giống như cuộc chạy đua giữa thỏ và rùa)

Cơ sở: k thấp thì y tăng nhiều (tăng trưởng cao); k lớn thì y tăng ít (tăng trưởng thấp) và quy tắc 70 cho biết chênh lệch vài % tăng trưởng sẽ dẫn tới chênh lệch lớn về quy mô nền kinh tế trong dài hạn

Tăng trưởng trong dài hạn ở một số quốc gia

Tên nước	Thời kỳ	Thu nhập thực tế bình quân đầu người đầu kỳ (đôla)	Thu nhập thực tế bình quân đầu người cuối kỳ (đôla)	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm (%)
Nhật	1890-1997	1196	23400	2.82
Braxin	1900-1997	619	6240	2.41
Mehico	1900-1997	922	8120	2.27
Đức	1870-1997	1738	21300	1.99
Canada	1870-1997	1890	21860	1.95
Trung Quốc	1900-1997	570	3570	1.91
Áchentina	1900-1997	1824	9950	1.76
Mỹ	1870-1997	3188	28740	1.75
Indonesia	1900-1997	708	3450	1.65
Ấn Độ	1900-1997	537	1950	1.34
Anh	1870-1997	3826	20520	1.33
Pakistan	1900-1997	587	1590	1.03
Bangladesh	1900-1997	495	1050	0.78

Nguồn: Mankiw, Principles of economics (4th), Havard University

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



4 Lý thuyết hiện đại

Lý thuyết tân cổ điển cho biết để có tăng trưởng trong dài hạn thì phải có tiến bộ công nghệ nhưng lại không chỉ ra các yếu tố quyết định tiến bộ công nghệ (coi đây là yếu tố ngoại sinh); các lý thuyết tăng trưởng kinh tế sau này cố gắng đưa tiến bộ công nghệ vào trong mô hình (yếu tố nội sinh) để xem điều gì quyết định tiến bộ công nghệ

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



4 Lý thuyết hiện đại

Paul Romer một nhà kinh tế học người Mỹ đã đưa ra lý thuyết tăng trưởng kinh tế trong đó tiến bộ công nghệ được quyết định bởi vốn tri thức mà vốn tri thức lại phụ thuộc vào hoạt động đầu tư cho lĩnh vực R&D của nền kinh tế.

Ông chỉ ra vốn tri thức là một loại vốn đặc biệt. Xét trên giác độ vi mô thì nó có lợi tức giảm dần (giống các loại hình vốn vật chất khác) nhưng xét trên giác độ vĩ mô thì nó có lợi tức tăng dần theo quy mô

III Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế



4 Lý thuyết hiện đại

Vì các hãng không sẵn lòng đầu tư lắm cho hoạt động R&D nên chính phủ cần phải thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động này

- + Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- + Trợ cấp cho hoạt động R&D
- + Trợ cấp cho giáo dục
(giáo dục là quốc sách hàng đầu)

IV Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế



- 1 Chính sách khuyến khích tiết kiệm và đầu tư trong nước*
- 2 Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài*
- 3 Chính sách về vốn nhân lực*
- 4 Xác định quyền sở hữu tài sản và ổn định chính trị*
- 5 Chính sách mở cửa nền kinh tế*
- 6 Chính sách kiểm soát tăng dân số*
- 7 Nghiên cứu và triển khai công nghệ mới*

3 nhận định về tăng trưởng kinh tế



- 1) Bạn có thể đã đọc những mẩu tin bắt đầu như sau:
“lượng bán ô tô cao hơn tháng trước do niềm tin người tiêu dùng tăng lên, dẫn tới việc các khách hàng tới showroom ô tô nhiều hơn” Các bài báo như vậy nhấn mạnh vai trò của cầu tới việc xác định tổng sản lượng; họ chỉ ra các nhân tố tác động đến cầu từ niềm tin người tiêu dùng tới lãi suất. Vậy nhu cầu của người tiêu dùng quyết định mức tăng của tổng sản lượng

3 nhận định về tăng trưởng kinh tế



- 2) Khi tổng sản lượng được quyết định bởi phía cung – một nền kinh tế có thể sản xuất ra bao nhiêu hàng hóa và dịch vụ. Việc sản xuất ra bao nhiêu hàng hóa và dịch vụ lúc này lại phụ thuộc vào công nghệ của quốc gia đó tiến bộ đến mức nào, có bao nhiêu tư bản được sử dụng, và quy mô cũng như trình độ của lực lượng lao động nước đó. Những nhân tố này chứ không phải niềm tin của người tiêu dùng là những nhân tố cơ bản xác định quy mô sản lượng của một quốc gia.

3 nhận định về tăng trưởng kinh tế



- 3) Trình độ khoa học công nghệ của một quốc gia phụ thuộc vào khả năng đổi mới và giới thiệu những công nghệ mới của quốc gia đó. Quy mô của lượng tư bản hiện vật phụ thuộc vào việc người dân tiết kiệm bao nhiêu. Trình độ của người công nhân phụ thuộc vào chất lượng của hệ thống giáo dục quốc gia đó. Các nhân tố khác cũng khá quan trọng đó là: nếu hãng muốn hoạt động hiệu quả, thì họ cần một hệ thống luật pháp rõ ràng được điều hành bởi một chính phủ trung thực. Vậy các nhân tố thực sự quyết định tổng sản lượng là hệ thống giáo dục, tỷ lệ tiết kiệm và chất lượng chính phủ của quốc gia đó.

3 nhận định về tăng trưởng kinh tế



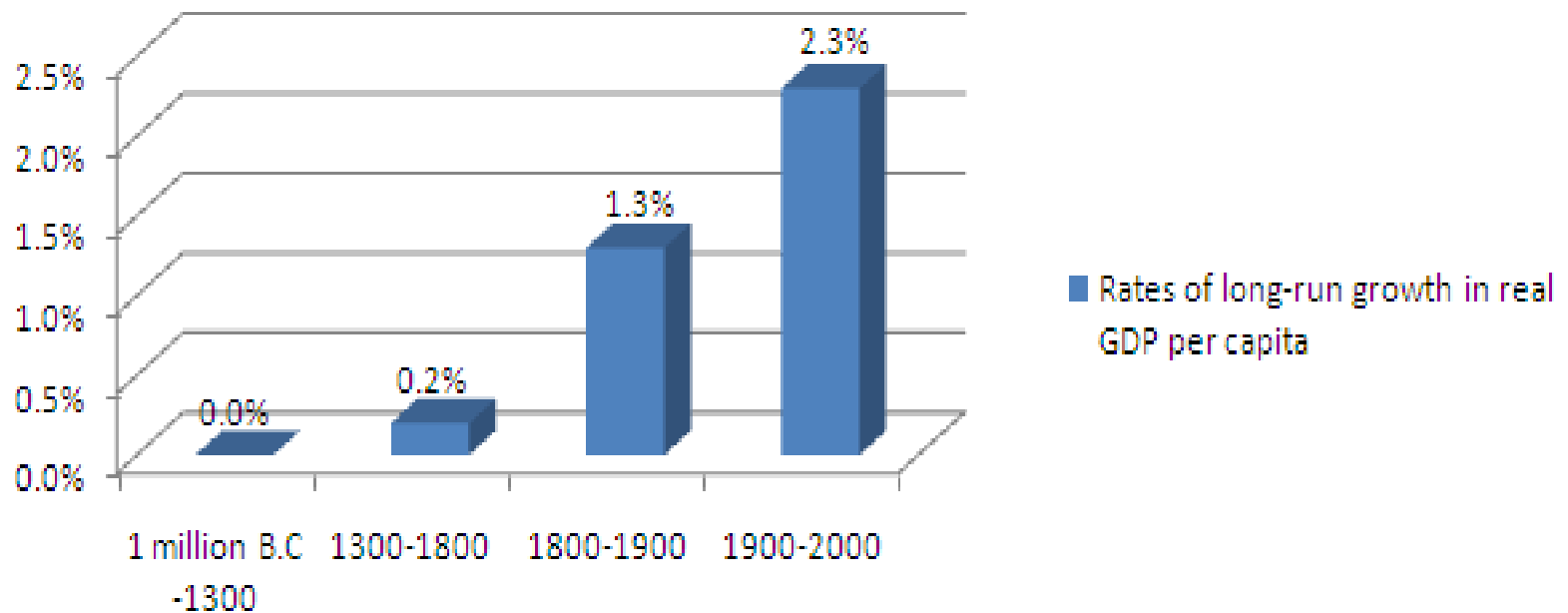
Cả 3 nhận định trên đều đúng

- 1) Tương ứng cho tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn (vài năm) → chỉ tiêu của nền kinh tế quyết định tăng trưởng
- 2) Tương ứng cho tăng trưởng kinh tế trong trung hạn (thập kỷ) → khả năng sản xuất của nền kinh tế quyết định tăng trưởng
- 3) Tương ứng cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn (vài thập kỷ) → khả năng sản xuất, môi trường xã hội, thể chế quyết định tăng trưởng

World economic growth rate



Rates of long-run growth in real GDP per capita



Nguồn: Bradford Delong, “Estimating World GDP, One million B.C – Present”, working-paper, University of California, Berkeley.

Các thuật ngữ quan trọng



- Tăng trưởng kinh tế (economic growth)
- Quy luật Okun (Okun law)
- Vốn nhân lực (human capital), tài nguyên thiên nhiên (natural resource), tích lũy tư bản (capital accumulation), tiến bộ công nghệ (technological progress)
- Lý thuyết cổ điển (classical theory), lý thuyết trường phái Keynes (Keynesian theory), lý thuyết tân cổ điển (neo-classical theory), lý thuyết hiện đại (modern theory)
- Thuyết hội tụ (catch-up hypothesis)

Câu hỏi tư duy



	Quốc gia A	Average	Quốc gia B
GDP bình quân đầu người	3000 USD	6000 USD	10 000 USD
Tổng đầu tư trong nước (%GDP)	70%	40%	50%
Tỷ lệ tiết kiệm quốc dân (%GDP)	25%	30%	10%
Tốc độ tăng dân số	5%	1%	0.5%
Số cử nhân (tính trên 1000 người)	50	200	400
Số tội phạm (tính trên 1000 người)	10	1	80
Số bằng phát minh sáng chế (tính trên 1000 người)	0.01	1	5
Tốc độ tăng trưởng	3%	5%	6%

Chính sách tăng trưởng nào cho quốc gia A, quốc gia B